

d) Trường hợp nghi ngờ các bệnh ký sinh trùng, cắt ngang thớ cơ mông để kiểm tra phát hiện như gạo bò, nhục bào tử trùng... trong tổ chức cơ;

e) Trường hợp nghi ngờ các bệnh truyền nhiễm, kiểm tra các hạch lâm ba trước vai, bẹn nồng, bẹn sâu, chậu trong, chậu ngoài, trước đùi (điểm c, d, đ, e, g, h mục 7.2 của Phụ lục này).

5. Quy trình kiểm tra sau giết mổ đối với lợn

5.1. Khám đầu

a) Thực hiện theo điểm a, điểm b mục 4.1 Phụ lục này;

b) Kiểm tra hạch lâm ba mang tai, dưới hàm (điểm a và b mục 7.3 của Phụ lục này): Xem hình thái, thể tích, màu sắc bên ngoài và độ rắn, mềm của hạch; bỗng đổi hạch quan sát màu sắc và trạng thái của bề mặt mặt cắt, kiểm tra những biến đổi bệnh lý như xung huyết, xuất huyết, hoại tử; mỗi hạch cắt tối thiểu hai lát cắt.

5.2. Khám phủ tạng

a) Khám phổi: Chú ý đến bệnh tích viêm phổi và nhiễm trùng thứ phát đối với vi rút gây bệnh viêm màng phổi, viêm bao tim, viêm màng hạch; quan sát bên ngoài như hình thái, màu sắc, tính chất của các thuỷ phổi chú ý phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xung huyết, xuất huyết, hoại tử, áp xe...; sờ nắn toàn bộ lá phổi, cắt ngang lá phổi xem màu sắc của mặt cắt; kiểm tra phát hiện các hạt lao phổi, bệnh tích của các bệnh Tụ huyết trùng, Suyễn lợn, ...; kiểm tra hạch lâm ba nhánh phế quản phổi trái, phải, hạch màng trung thất trước (điểm 1 mục 7.3 của Phụ lục này);

b) Khám tim: Thực hiện theo điểm b mục 4.2 của Phụ lục này;

c) Khám gan: Quan sát bên ngoài, xem hình thái, thể tích, tính chất, rìa gan, màu sắc bên ngoài của gan; quan sát bên trong, cắt tổ chức gan kiểm tra màu sắc tổ chức gan, độ rắn mềm của gan, trạng thái bề mặt mặt cắt, cắt ống dẫn mật để kiểm tra; kiểm tra hạch lâm ba gan (điểm k mục 7.3 của Phụ lục này);

d) Khám thận: Thực hiện theo điểm d mục 4.2 của Phụ lục này;

đ) Khám lách: Thực hiện theo điểm đ mục 4.2 của Phụ lục này;

e) Khám dạ dày, ruột: Kiểm tra các vết loét, xung huyết, xuất huyết ở niêm mạc dạ dày; kiểm tra hạt lao ruột, xung huyết, xuất huyết ở niêm mạc ruột, nốt loét ở thành ruột; kiểm tra hạch lâm ba màng treo ruột (điểm m mục 7.3 của Phụ lục này).

5.3. Quy trình kiểm tra chung cho tất cả các loại thân thịt lợn:

a) Kiểm tra toàn bộ mặt da: Quan sát màu sắc của da, các dấu hiệu bệnh lý như xung huyết, xuất huyết, tụ huyết, hoại tử, ổ áp xe, vết loét;

b) Kiểm tra độ sạch của thân thịt: Thực hiện theo điểm a mục 4.3 của Phụ lục này.

c) Kiểm tra màu sắc của các tổ chức mỡ, cơ, các dấu hiệu bệnh lý như xuất huyết, hoại tử, ổ áp xe;

d) Kiểm tra xoang chậu, xoang ngực, xoang bụng: Thực hiện theo điểm c mục 4.3 của Phụ lục này.

5.4. Quy trình kiểm tra đối với thân lợn thịt, lợn choai

a) Thực hiện kiểm tra theo quy định tại mục 5.3 của Phụ lục này;

b) Khám thận: Thực hiện theo điểm d mục 4.2 của Phụ lục này;

c) Kiểm tra cơ hoành để phát hiện bệnh Gạo lợn, lấy mẫu cơ hoành kiểm tra áu trùng Giun bao (khi cần thiết);

d) Kiểm tra mô xương xốp (xương sống): Thực hiện theo điểm d mục 4.3 của Phụ lục này;

đ) Trường hợp nghi ngờ các bệnh ký sinh trùng, cắt ngang thớ cơ mông để kiểm tra phát hiện như gạo lợn, nhục bào tử trùng... trong tổ chức cơ;

e) Trường hợp nghi ngờ các bệnh truyền nhiễm, kiểm tra các hạch lâm ba bẹn nồng, bẹn sâu (điểm d và đ mục 7.3 của Phụ lục này).

5.5. Quy trình kiểm tra đối với thân thịt lợn sữa

a) Thực hiện kiểm tra theo quy định tại mục 5.3 của Phụ lục này;

b) Quan sát hình thái, thể tích, màu sắc, tính chất của thận; chú ý không làm rách màng thận; trường hợp nghi ngờ có dấu hiệu bệnh lý mới bóc thận ra khỏi thân thịt để kiểm tra kỹ bên ngoài, bên trong của thận.

6. Quy trình kiểm tra sau giết mổ đối với các loại gia cầm nuôi

6.1. Khám thân thịt:

a) Quan sát bề mặt, màu sắc, hình dạng và độ đồng nhất của da; kiểm tra mùi, màu sắc của các tổ chức mỡ, cơ;

b) Kiểm tra độ sạch của thân thịt: Phát hiện tạp nhiễm chất chứa đường tiêu hoá, các tạp chất khác và tình trạng sót lông.

Trường hợp nghi ngờ, kiểm tra các xoang để phát hiện dấu hiệu bệnh lý như viêm túi khí, viêm phúc mạc và kiểm tra phủ tạng theo quy định tại mục 6.2 của Phụ lục này.

6.2. Khám phủ tạng:

a) Khám phổi: Quan sát hình thái, màu sắc, tính chất để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xuất huyết, viêm phổi, hạt lao;

b) Khám tim: Quan sát hình thái, màu sắc, tính chất của màng bao tim, mỡ vành tim, cơ tim để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xung huyết, xuất huyết, hoại tử;

c) Khám gan: Quan sát hình thái, màu sắc, tính chất của gan để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như sưng, xuất huyết, hoại tử ...;

d) Khám thận: Quan sát hình thái, thể tích, màu sắc của dải thận để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý;

đ) Khám lách: Quan sát hình thái, màu sắc để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xung huyết, xuất huyết;

e) Khám diều, dạ dày tuyến, dạ dày cơ, ruột: Cắt dọc diều, dạ dày tuyến, dạ dày cơ và gạt nhẹ các chất nhầy để phát hiện các dấu hiệu bệnh lý như xuất huyết, loét, hoại tử; khi kiểm tra ruột, quan sát để phát hiện các nốt xuất huyết, loét, hoại tử hay ký sinh trùng;

g) Khám buồng trứng (gia cầm mái): Quan sát hình thái, màu sắc và những biến đổi bệnh lý như vỡ buồng trứng, xung huyết, xuất huyết, hoại tử, viêm dính với các tổ chức khác.

7. Những điều cần lưu ý khi khám hạch lâm ba

Hạch lâm ba thường có kích thước từ 2 mm - 10 cm, số lượng và hình dáng của hạch cũng khác nhau tùy theo từng loài. Ở trâu bò, dê, cừu có khoảng 300 hạch lâm ba và có sự phân bố giống nhau, có hình ô van, tròn, mặt cắt thô có màu xám hoặc vàng xám.

Khám hạch lâm ba bao gồm xem hình thái, thể tích, màu sắc bên ngoài của hạch và độ rắn, mềm của hạch lâm ba; cắt hạch xem màu sắc mặt cắt, khi cắt hạch có chảy nước ra không, có xung huyết, xuất huyết, có mủ hay không; chú ý quan sát những biến đổi bệnh lý trên mặt cắt; mỗi hạch cắt tối thiểu hai lát cắt.

7.1. Những biểu hiện bệnh lý thường gặp ở hạch lâm ba

a) Hạch sưng: Bổ đôi hạch lâm ba nhưng không tách rời, xem mặt cắt nếu nó lồi lên, khi khép 2 nửa hạch lại không kín khít thì hạch đó bị sưng.

b) Hạch lâm ba bị xung huyết: Hạch bị sưng lên, thường gấp ở giai đoạn đầu của thời kỳ viêm, khi cắt hạch có nước màu đỏ chảy ra, mặt cắt có màu nâu bóng.

c) Hạch lâm ba thủy thũng: Lớn hơn hạch bình thường 3 - 4 lần, mặt cắt vòng lên có nước hơi trắng chảy ra nhiều.

d) Hạch lâm ba thâm dịch: Hạch sưng to, sờ thấy mềm, mặt cắt hơi xám và có nhiều nước đục chảy ra.

đ) Hạch lâm ba bã đậu: Hạch sưng to, hơi rắn, khi cắt hạch thấy mặt cắt lỏng nhõn giống như bã đậu không có nước, xung quanh hạch có mô liên kết rắn lại.

e) Hạch lâm ba tăng sinh: Hạch sưng to, cứng, khi cắt thấy dai, mặt cắt có chảy nước; xung quanh hạch lâm ba có nhiều sợi liên kết phát triển bao quanh thành vỏ dày làm dính hạch với các tổ chức xung quanh.

7.2. Vị trí một số hạch lâm ba của trâu, bò cần kiểm tra

a) Hạch mang tai: Dài khoảng 6 - 9 mm nằm ở vị trí dưới khớp thái dương hàm, nửa trước bị da phủ, nửa sau bị tuyến dưới tai trùm che, phụ trách vùng mắt, tai, mũi, môi, nửa phần trên của đầu.

chẽu ngoalí.

d) Héach bén sau: Nám o ugay chô hom hong noi phat ra dōng mécach

mét ngoalí duoi thanh bung, tuyen vu, duong vat.

d) Héach bén nong: Nám o ben ngoalí cua doi vu thi 5 - 6, phu trach vung

truc va dau tren khop ba vai.

c) Héach truc vai con goi la heach co nong: To khoang 0,2 - 4 cm nam o

phu trach vung rang, loi, loi.

b) Héach duoi ham: Nám o canh sau xuong ham duoi, doi xung 2 ben va

mat, tai, moi, moi, nua phan tren cua dau.

a) Héach mang tai: To khoang 2 - 7 mm nam o vi tri duoi khop thai duong

7.3. Vi tri mot so heach lam ba cua lon can kiem tra

lien nhau phu trach phan ruot.

m) Héach mang theo ruot: Nám o gitia mang treo ruot tao thanh mot chuoii

o cua vao long ngoalic.

mécach chiu va ben traikhi quan, mot nhom o goc dōng mécach canh tay, mot nhom

Héach mang tung that truc: Chia lam 3 nhom, mot nhom o truc dōng

Héach mang phoi gitia: Nám o cung dōng mécach chiu va lung thuc quan,

quan tri, bi che boi cung dōng mécach chiu, phu trach phe quan, thuc quan, tim;

Héach phe quan tri: Nám trong lop mo, phia truc met ngoalí cua phe

khi quan, phoi phai;

Héach phe quan phai: Nam tren khi quan phai, tren la phoi phai phu trach

cau quan, phoi phai;

j) Héach lam ba phoi:

k) Héach lam ba gan: Nám o ron gan.

l) Héach dui sau: Nám o vung dōng mécach dui sau.

canh can mec dui.

h) Héach truc dui: Trau bo co 1 heach rat to, dai 6-11 cm nam o truc co

con cai nam o phia sau goc vu, phu trach vung met ngoalí duoi thanh bung,

g) Héach chieu ngoalí: Nám o vi tri chô khoi dau dōng mécach chieu ngoalí.

e) Héach chieu trong: Nám o vi tri chô khoi dau dōng mécach chieu trong.

chieu ngoalí.

d) Héach bén sau: Nám o ugay chô hom hong noi phat ra dōng mécach

tuyen vu, duong vat.

c) Héach truc vai (heach co nong): Dai khoang 0,2 - 4 cm nam o truc va

dau tren khop ba vai.

b) Héach duoi ham: Dai khoang 3 - 4,5 mm nam o canh sau xuong ham

duoi, doi xung 2 ben va phu trach vung rang, loi, loi.

7

- e) Hạch chậu trong: Nằm ở vị trí chỗ khởi đầu động mạch chậu trong.
- g) Hạch chậu ngoài: Nằm ở vị trí chỗ khởi đầu động mạch chậu ngoài.
- h) Hạch trước đùi: Dài 5,5 cm nằm ở trước cơ căng cân mạc đùi.
- i) Hạch đùi sâu: Nằm ở vùng động mạch đùi sâu.
- k) Hạch lâm ba gan: Nằm ở rốn gan.
- l) Hạch lâm ba phổi:

Hạch phế quản trái: Nằm trong lớp mỡ, phía trước mặt ngoài của phế quản trái, bị che bởi cung động mạch chủ, phụ trách phế quản, thực quản, tim;

Hạch phế quản phải: Nằm trên khí quản phải, trên lá phổi phải phụ trách khí quản, phổi phải;

Hạch màng trung thất trước: Nằm ở trước bao tim.

m) Hạch màng treo ruột: Nằm ở giữa màng treo ruột tạo thành một chuỗi liền nhau phụ trách phần ruột.